



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Tỉnh Kiên Giang

Số 58

Ngày 30 tháng 11 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- 22-11-2024 Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND quy định chính sách khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. 02

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- 22-11-2024 Quyết định số 3072/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000. 07
- 25-11-2024 Quyết định số 3085/QĐ-UBND quy định một số nội dung có liên quan đến thủ tục đất đai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. 26

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

Số: 34/2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 22 tháng 11 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Quy định chính sách khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 52/TTr-BQLKKT ngày 12 tháng 9 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quyết định này quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhằm khuyến khích thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường 2020, bao gồm:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Diện tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

### **2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến việc thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

## **Điều 2. Điều kiện áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ**

Dự án đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được khuyến khích thực hiện xã hội hóa là công trình hạ tầng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định này và được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

## **Điều 3. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ**

1. Trường hợp các quy định của pháp luật mới được ban hành có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cao hơn những ưu đãi, hỗ trợ mà nhà đầu tư đang được hưởng thì nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ mới kể từ ngày những ưu đãi, hỗ trợ mới có hiệu lực đến hết thời gian ưu đãi của dự án.

2. Trường hợp các quy định của pháp luật mới được ban hành có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ thấp hơn những ưu, hỗ trợ mà nhà đầu tư đang được hưởng thì nhà đầu tư được tiếp tục hưởng những ưu đãi, hỗ trợ trước đó đến hết thời ưu đãi của dự án.

3. Trường hợp nhà đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi khác nhau sẽ được áp dụng mức ưu đãi cao nhất.

4. Dự án đầu tư xây dựng thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật về thuế và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 4. Nội dung ưu đãi, hỗ trợ thực hiện xã hội hóa**

1. Nhà đầu tư dự án xây dựng, kinh doanh và vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh được ưu đãi, miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh lập quy hoạch và bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách địa phương thực hiện đầu tư và duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp, xây dựng mới các công trình hạ tầng thiết yếu như: Hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp, thoát nước, đường giao thông,... ngoài hàng rào các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

4. Nhà đầu tư dự án xây dựng, kinh doanh và vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh được hưởng các ưu đãi, khuyến khích theo quy định tại Điều 132; 133; 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư**

##### **1. Quyền của nhà đầu tư**

a) Lựa chọn hình thức, quy mô, địa bàn đầu tư phù hợp theo quy hoạch, trực tiếp kinh doanh và vận hành hoặc ủy thác kinh doanh và vận hành sản phẩm và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện đầu tư, kinh doanh các ngành nghề mà Luật Đầu tư không cấm, thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Được các cơ quan chức năng của tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi về thủ tục pháp lý và cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin về quy hoạch, địa bàn, danh mục dự án đầu tư và các thông tin, số liệu cần thiết khác theo yêu cầu của nhà đầu tư trong phạm vi pháp luật cho phép.



## 2. Nghĩa vụ của nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư có nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, về đầu tư và các quy định pháp luật liên quan khác của Nhà nước; triển khai dự án đầu tư đúng quy hoạch, tiến độ, thời gian theo quy định của pháp luật.

b) Nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

c) Thực hiện quy định chung về bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

d) Thực hiện yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

### 1. Ban Quản lý Khu kinh tế

a) Tổ chức hướng dẫn các Nhà đầu tư thực hiện Quyết định này; tiếp nhận và hỗ trợ Nhà đầu tư lập thủ tục đầu tư vào các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, tổ chức thẩm định các dự án đầu tư và cấp chủ trương đầu tư theo quy định.

b) Phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan để hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện thủ tục để được hưởng các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo quy định.

c) Xây dựng kế hoạch kinh phí có liên quan đến việc lập phương án bồi thường và kinh phí chuẩn bị đầu tư, hỗ trợ đầu tư phục vụ cho việc hỗ trợ các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, giải quyết đề nghị của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung về việc bố trí vị trí đất của hồ sơ cố xử lý đảm bảo môi trường theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan triển khai thực hiện quy định này; định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện chậm nhất ngày 30 tháng 3 của năm tiếp theo.

### 2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang và các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn về trình tự, thủ tục về tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các Điều tại mục 5 Chương IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp trong thực hiện xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

### 4. Sở Tài chính

Thực hiện việc cân đối của ngân sách hàng năm để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp môi trường để thực hiện theo quy định.

### 5. Các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị có văn bản phản ánh kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Lâm Minh Thành**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3072/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 22 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất,  
tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 ngày 5 tháng 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000;*

*Căn cứ Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 29 tháng 07 năm 2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh một số nội dung tại điểm 3.1 khoản 3, điểm 4.1 khoản 4, khoản 8 và khoản 9 Điều 1 của Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Hòn Đất về thông qua Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;*

*Căn cứ Thông báo số 1611-TB/TU ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Tỉnh ủy Kiên Giang thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 3345/BC-SXD ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Sở Xây dựng về việc thẩm định Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3351/TTr-SXD ngày 15/11/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000 với những nội dung như sau:

### **1. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch**

#### **1.1. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch có tổng diện tích tự nhiên là 103.985ha (1.039,85 km<sup>2</sup>), bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Hòn Đất và không gian vùng mặt nước ven biển, được xác định như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp huyện Thoại Sơn và huyện Tri Tôn tỉnh An Giang;
- + Phía Đông Nam giáp thành phố Rạch Giá và huyện Tân Hiệp;
- + Phía Tây Bắc giáp huyện Kiên Lương và huyện Giang Thành;
- + Phía Tây Nam giáp Vịnh Rạch Giá (*biển Tây*).

- Toàn bộ ranh giới tự nhiên của 14 đơn vị hành chính gồm 2 thị trấn: Hòn Đất, Sóc Sơn và 12 xã (*Bình Sơn, Bình Giang, Mỹ Thái, Nam Thái Sơn, Mỹ Hiệp Sơn, Sơn Kiên, Sơn Bình, Mỹ Thuận, Linh Huỳnh, Thổ Sơn, Mỹ Lâm, Mỹ Phước*).

## **1.2. Quy mô dân số**

Hiện trạng năm 2022: Khoảng 158.883 người, trong đó dân số đô thị khoảng 31.562 người; tỷ lệ đô thị hoá: 19,8%.

- Đến năm 2030: Quy mô dân số toàn huyện khoảng 158.000 - 162.000 người (*trong đó dân số đô thị 76.000 người; dân số nông thôn 86.000 người*); tỷ lệ đô thị hóa: 46,0%- 49,0%.

- Đến năm 2040: Quy mô dân số toàn huyện khoảng 161.000 - 167.000 người (*trong đó dân số đô thị 86.000 người; dân số nông thôn 81.000 người*); tỷ lệ đô thị hóa: 50,0%-53,0%.

## **2. Quan điểm và mục tiêu**

- Cụ thể hoá quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Định hướng phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ cảnh quan môi trường hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, bền vững.

- Cụ thể hoá mục tiêu phát triển huyện nông thôn mới; kế hoạch phân loại đô thị Hòn Đất, Sóc Sơn là đô thị loại IV; hình thành đô thị mới Thổ Sơn, Mỹ Lâm là đô thị loại V theo Quy hoạch tỉnh đến năm 2030 và tiệm cận tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2040.

- Phát huy, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, liên kết đô thị, điểm dân cư nông thôn, đảm bảo sự phát triển cân đối hài hoà giữa đô thị và nông thôn; là cơ sở quản lý phát triển tổng thể kinh tế xã hội toàn huyện, tổ chức các quy hoạch đô thị, nông thôn.

- Tạo cơ hội kêu gọi, thu hút đầu tư, khai thác lợi thế, thế mạnh của huyện để phát triển toàn diện, bền vững các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị và nông thôn trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế phù hợp với bản sắc văn hoá, phong tục tập

quán của địa phương và phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Kiên Giang.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn tỉnh.

### **3. Tính chất và chức năng**

#### **3.1. Tính chất**

Là vùng nguyên liệu lúa, hoa màu của tỉnh; định hướng phát triển đô thị hướng biển và dọc theo Quốc lộ 80, đường tỉnh 969, đường ven biển Rạch Giá - Kiên Lương - Hà Tiên, gắn với cụm công nghiệp, cảng, các di tích văn hóa lịch sử, khu du lịch sinh thái biển.

#### **3.2. Chức năng**

Là vùng phát triển đa ngành, lấy công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch và hậu cần kinh tế biển là hướng phát triển ưu tiên. Phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế biển gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch khám phá di tích văn hoá lịch sử, du lịch tâm linh. Là một trong những trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục - đào tạo, dịch vụ, thương mại và du lịch có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hòn Đất và tỉnh Kiên Giang.

### **4. Dự báo nhu cầu đất đai**

- Đến năm 2030: Đất xây dựng đô thị khoảng 1.200 ha - 1.500 ha; đất xây dựng nông thôn khoảng 1.750 ha - 2.000 ha; đất công nghiệp, cụm công nghiệp khoảng 90 ha - 100 ha.

- Đến năm 2040: Đất xây dựng đô thị khoảng khoảng 1.500 ha - 1.900 ha; đất xây dựng nông thôn khoảng 1.800 ha - 2.100 ha; đất công nghiệp, cụm công nghiệp khoảng 90 ha - 100 ha.

*(Nhu cầu đất xây dựng sẽ được tính toán cụ thể trong các bước đồ án tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy chuẩn xây dựng hiện hành).*

### **5. Định hướng phát triển không gian vùng**

#### **5.1. Mô hình phát triển**

Mô hình phát triển không gian vùng là: “*Mô hình phát triển đa cực, phân tán*”. Gồm 3 vùng chính: vùng trung tâm, vùng dọc Quốc lộ 80, vùng đô thị công nghiệp.

- Vùng trung tâm (*gồm thị trấn Hòn Đất, xã Thổ Sơn - lấy thị trấn Hòn Đất làm trung tâm phát triển*):

+ Tập trung nguồn lực phát triển kinh tế, đô thị cho khu vực thị trấn Hòn Đất mở rộng, làm động lực, đầu tàu, hỗ trợ cho các xã trên địa bàn huyện; phát triển thương mại - dịch vụ tại thị trấn Hòn Đất và khu vực thuộc phạm vi mở rộng thị trấn Hòn Đất và đô thị Thổ Sơn phát triển dịch vụ kết hợp phát triển du lịch; phát triển du lịch tại khu vực xã Thổ Sơn gắn kết với cảnh quan thiên nhiên, Di tích lịch sử Ba Hòn,... với loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa tâm linh. Hậu cần hỗ trợ dịch vụ du lịch tập trung tại thị trấn Hòn Đất và xã Thổ Sơn.

+ Trục giao thông động lực: Quốc lộ 80, Quốc lộ 80C dự kiến, ĐT.969, ĐT.969B, đường hành lang ven biển, đường tránh dự kiến phía Nam Quốc lộ 80 (D2).

- Vùng dọc Quốc lộ 80 (gồm: thị trấn Sóc Sơn, xã Mỹ Lâm - lấy thị trấn Sóc Sơn làm trung tâm phát triển):

+ Khu vực tập trung nguồn lực phát triển kinh tế đô thị cho khu vực thị trấn Sóc Sơn, khu lấn biển tại xã Mỹ Lâm và dọc hai bên Quốc lộ 80.

+ Trục giao thông động lực: Quốc lộ 80, đường Hành lang ven biển phía Nam (ĐT.961B), ĐT 969C.

- Vùng đô thị công nghiệp (gồm: xã Bình Sơn, Bình Giang - lấy trung tâm xã Bình Sơn làm trung tâm phát triển):

+ Cụm công nghiệp Bình Sơn dự kiến 50ha tại xã Bình Sơn được triển khai vào giai đoạn sau 2025.

+ Các trục giao thông động lực: đường Quốc lộ 80, N2.

## **5.2. Phân vùng phát triển**

Vùng huyện Hòn Đất phát triển không gian theo 03 vùng chính:

a) *Vùng I: Vùng Trung tâm - Là vùng kinh tế động lực của huyện*

- Gồm thị trấn Hòn Đất, xã Thổ Sơn, xã Nam Thái Sơn, xã Linh Huỳnh và một phần các xã Sơn Bình, xã Sơn Kiên, xã Mỹ Thái; diện tích khoảng 381,82 km<sup>2</sup>, chiếm 36,51% tổng diện tích tự nhiên.

- Tiềm năng thế mạnh của vùng: Là trung tâm chính trị, kinh tế, thương mại - dịch vụ, du lịch của huyện, có trục giao thông Quốc gia: Tuyến cao tốc, Quốc lộ 80, Quốc lộ 80C dự kiến và các trục đường tỉnh là hành lang kinh tế động lực của vùng (Trung tâm tiểu vùng là thị trấn Hòn Đất).

- Động lực phát triển:

+ Phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ: Là khu vực phát triển đa dạng và năng động nhất của huyện. Phát triển dựa trên thế mạnh của thị trấn Hòn Đất và xã Thổ

Son. Các khu đô thị, khu dân cư, khu du lịch, khu đô thị lấn biển Thỏ Sơn (*dự kiến*). Kết nối không gian dọc hai bên trục Quốc lộ 80, Quốc lộ 80C dự kiến, hành lang ven biển kết nối thành phố Rạch Giá và thành phố Hà Tiên.

+ Phát triển đầu mối du lịch (*đô thị Thỏ Sơn*): Phát huy tiềm năng du lịch về nguồn, tham quan di tích lịch sử, là khu vực cung cấp dịch vụ hậu cần cho các dịch vụ du lịch của huyện cũng như tỉnh.

+ Phát triển kinh tế biển: tiếp giáp biển Tây về hướng Nam, tiểu vùng có đường bờ biển dài khoảng 18km. Phát triển nuôi trồng, đánh bắt thủy sản (*cảng Linh Huỳnh*), phát triển nguồn năng lượng tái tạo.

*b) Vùng II: Vùng phía Đông - Phát triển đô thị, kinh tế biển, du lịch và sản xuất nông lâm nghiệp.*

- Gồm thị trấn Sóc Sơn, xã Mỹ Thuận, xã Mỹ Phước, xã Mỹ Hiệp Sơn, xã Mỹ Lâm và một phần các xã Mỹ Thái, xã Sơn Kiên, xã Sơn Bình; diện tích khoảng 330,48 km<sup>2</sup>, chiếm 31,60% tổng diện tích tự nhiên.

- Tiềm năng thế mạnh của vùng: Tiếp giáp thành phố Rạch Giá và thị trấn Hòn Đất, là điều kiện thuận lợi thu hút dân cư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, duy trì không gian rừng hiện hữu (*Trung tâm tiểu vùng là thị trấn Sóc Sơn*).

- Động lực phát triển:

+ Phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ: tiếp giáp thành phố Rạch Giá, phát triển dựa trên thế mạnh của thị trấn Sóc Sơn, đô thị dự kiến Mỹ Lâm, các khu đô thị, khu dân cư, khu du lịch, khu đô thị lấn biển Mỹ Lâm (*dự kiến*). Kết nối không gian khu vực đô thị và dân cư dọc hai bên trục Quốc lộ 80, hành lang ven biển kết nối thành phố Rạch Giá và thành phố Hà Tiên.

+ Phát huy tiềm năng du lịch sinh thái, khám phá cảnh quan rừng, cảnh quan nông nghiệp,...

+ Phát triển sản xuất nông lâm thủy sản là vùng nguyên liệu chính trong việc chế biến các sản phẩm nông nghiệp của địa phương. Phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi ứng dụng tiến bộ kỹ thuật,...

+ Phát triển kinh tế biển: tiếp giáp biển Tây về hướng Nam, tiểu vùng có đường bờ biển dài khoảng 15km. Phát triển nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và phát triển nguồn năng lượng tái tạo.

*c) Vùng III: Vùng phía Tây - Phát triển công nghiệp và nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông lâm nghiệp.*



- Gồm toàn bộ ranh giới xã Bình Giang và xã Bình Sơn; diện tích khoảng 333,54 km<sup>2</sup>, chiếm 31,89% tổng diện tích tự nhiên.

- Tiềm năng thế mạnh của vùng:

+ Nằm trên các trục giao thông Quốc gia như: Quốc lộ 80, quốc lộ N2 (*dự kiến*), trục cao tốc dự kiến Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (*dự kiến*) và các trục đường tỉnh. Kết nối Hòn Đất, thành phố Rạch Giá và huyện Kiên Lương; là điều kiện thúc đẩy kinh tế xã hội của tiểu vùng.

+ Cụm công nghiệp Bình Sơn (*dự kiến*) diện tích 50 ha, là điều kiện chuyên đổi cơ cấu kinh tế, phát triển dân cư và thúc đẩy kinh tế xã hội của huyện (*Trung tâm tiểu vùng là Trung tâm xã Bình Sơn*).

- Động lực phát triển:

+ Phát triển công nghiệp: cụm công nghiệp Bình Sơn diện tích 50 ha. Thu hút các ngành nghề: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất sản phẩm không có mùi, ...

+ Phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi, cây ăn trái với các cây trồng chủ lực.

+ Phát triển kinh tế biển, ven biển xây dựng huyện Hòn Đất trở thành địa phương có thế mạnh về biển từ việc khai thác nuôi trồng hải sản khu vực các xã giáp biển như: xã Linh Huỳnh, xã Bình Sơn, xã Bình Giang và phát triển du lịch dưới tán rừng. Phát huy tiềm năng du lịch sinh thái, khám phá cảnh quan rừng, cảnh quan nông nghiệp,...

### **5.3. Phân bố không gian phát triển nông nghiệp**

- Đầu tư phát triển các sản phẩm nông nghiệp chuyên dịch theo hướng phục vụ tốt nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến trái cây đóng hộp,...

- Phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ, đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm; hình thành và đi vào hoạt động các Khu, Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, trong đó ưu tiên tập trung phát triển cây ăn quả, cây ngắn ngày.

- Tập trung phát triển hoàn thiện lĩnh vực nông nghiệp từ khâu sản xuất nuôi trồng đến khâu bao tiêu sản phẩm theo hình thức khép kín nhằm tạo liên kết chuỗi cho sản xuất giúp người dân nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế nông thôn và cho ra những sản phẩm nông nghiệp đặc sản mang tính đặc trưng của địa phương.

- Phát triển ngành thủy sản mang tính chất kết hợp, xây dựng các mô hình nuôi thâm canh, quảng canh, tại các vùng nước mặn, lợ ven biển, mở rộng khu vực nuôi trồng thủy sản trên biển, đảo, khu vực nước ngọt, nước lợ... trên địa bàn mà có điều kiện môi trường không bị ô nhiễm bởi các hoạt động sản xuất khác.

- Về chăn nuôi: Tập trung thu hút doanh nghiệp chăn nuôi (*heo, gà, chim yến...*) theo hướng quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao tại địa bàn phù hợp gắn với phát triển chăn nuôi nông hộ.

- Dự kiến chia làm 04 tiểu vùng phát triển:

+ Tiểu vùng 1: Phát triển cây hằng năm; diện tích khoảng 590 km<sup>2</sup> trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện (*bao gồm: thị trấn Hòn Đất và các xã: Mỹ Phước, Mỹ Thuận, Sơn Kiên, Mỹ Hiệp Sơn, Mỹ Thái, Mỹ Thái Sơn, Nam Thái Sơn, Bình Giang, Bình Sơn. Trung tâm tiểu vùng: xã Nam Thái Sơn*).

+ Tiểu vùng 2: Phát triển cây lâu năm; diện tích khoảng 115 km<sup>2</sup> trên tổng diện tích tự nhiên toàn huyện (*bao gồm: thị trấn Sóc Sơn, đô thị Mỹ Lâm, Thổ Sơn, xã Sơn Bình, Linh Huỳnh, Bình Sơn, Bình Giang. Trung tâm tiểu vùng: đô thị Thổ Sơn*).

+ Tiểu vùng 3: Vùng phát triển lâm nghiệp; diện tích khoảng 130km<sup>2</sup> trên tổng diện tích tự nhiên toàn huyện (*bao gồm: xã Bình Sơn và xã Nam Thái Sơn. Trung tâm tiểu vùng: xã Bình Sơn*).

+ Tiểu vùng 4: Vùng phát triển nuôi trồng thủy sản; diện tích khoảng 75 km<sup>2</sup> trên tổng diện tích tự nhiên toàn huyện (*bao gồm: xã Bình Giang, xã Bình Sơn, xã Linh Huỳnh, xã Sơn Bình, thị trấn Sóc Sơn, đô thị Mỹ Lâm. Trung tâm tiểu vùng: xã Linh Huỳnh*).

#### **5.4. Phân bố không gian phát triển Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp**

- Cụm công nghiệp Bình Sơn thuộc xã Bình Sơn (*là cụm công nghiệp dự kiến thành lập mới*), có vị trí tại ngã giao quốc lộ 80 và trục đường N2 dự kiến, quy mô diện tích khoảng 50 ha. Định hướng ngành nghề thu hút: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến Nông - lâm - thủy sản, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống; sản xuất sản phẩm không có mùi; các ngành công nghiệp hỗ trợ; phát triển dự án điện sinh khối.

- Cụm nhà máy chế biến tại xã Bình Giang (*diện tích 28,6 ha - cụm nhà máy hiện trạng*).

- Cụm nhà máy chế biến nông sản tại xã Bình Sơn (*diện tích 6,6ha - cụm nhà máy phát triển mới*).

- Cụm nhà máy chế biến lâm sản (*sản xuất than sinh học*) tại xã Bình Sơn, diện tích 2,67 ha (*cụm nhà máy phát triển mới*).

- Cụm nhà máy chế biến thủy sản, trong khu cảng cá Linh Huỳnh, diện tích lớn hơn 10 ha (*cụm nhà máy phát triển mới*).

### **5.5. Phân bố không gian phát triển du lịch**

- Phát triển du lịch trên thế mạnh về tài nguyên văn hóa, lịch sử: tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn hình thành các trung tâm, cụm, tuyến du lịch theo trục hành lang các trục giao thông chính: Quốc lộ 80 và trục hành lang ven biển Tây, trục Quốc lộ 80C,... nhằm nối kết đến các trung tâm du lịch của tỉnh và của Quốc gia: Thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên, huyện Thoại Sơn, Tri Tôn - tỉnh An Giang.

- Phát triển du lịch sinh thái, tham quan ngắm cảnh nghỉ dưỡng, khám phá nghiên cứu khoa học, du lịch văn hóa, lịch sử, tham quan làng nghề truyền thống trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của huyện, thúc đẩy các ngành nông nghiệp, dịch vụ phát triển.

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân lực ngành du lịch. Phát triển du lịch gắn với việc bảo vệ môi trường, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại, giữ vững an ninh quốc phòng.

### **5.6. Phân bố không gian phát triển hệ thống hạ tầng xã hội**

#### **a) Hệ thống cơ quan, công sở**

Phát triển hệ thống các công trình hành chính cấp huyện, cấp xã, thị trấn cơ bản đã được xây dựng khá đầy đủ, kháng trang trong những năm gần đây, đáp ứng nhu cầu của huyện trong giai đoạn hiện nay cũng như các giai đoạn quy hoạch theo đồ án. Một số công trình tương đối cũ, xuống cấp cần được tiếp tục cải tạo, chỉnh trang đáp ứng phục vụ tốt nhất cho các nhu cầu người dân.

#### **b) Hệ thống thương mại, dịch vụ**

Hình thành các trung tâm thương mại tại thị trấn Hòn Đất, Sóc Sơn. Kêu gọi, đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị tại khu vực trung tâm thị trấn (*Hòn Đất và Sóc Sơn*) và các khu vực dự kiến phát triển đô thị trên quốc lộ 80; phát triển trung tâm dịch vụ nông sản với quy mô khoảng 20 - 40ha để tổ chức nghiên cứu, trưng bày, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện góp phần hoàn thiện mục tiêu kinh tế tuần hoàn của huyện.

#### **c) Hệ thống công trình y tế**

Phát triển mạng lưới y tế hiện đại, phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện Hòn Đất, ứng dụng khoa học y tế hiện đại, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của người dân,

góp phần giảm áp lực cho các bệnh viện ở tuyến trên như thành phố Rạch Giá ,...; thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, nâng cao chất lượng y tế cơ sở, phát triển và nâng chất lượng mạng lưới y tế dự phòng, tạo điều kiện mở rộng mạng lưới y tế ngoài công lập; Hoàn thành thu gom xử lý 100% rác thải y tế trên địa bàn.

*d) Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo*

Sắp xếp mạng lưới, hệ thống trường và các điểm trường, giảm số điểm trường lẻ (*trường mầm non, tiểu học*). Sắt nhập một số trường tiểu học có quy mô nhỏ ở các xã để đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học.

- Trường Trung học phổ thông: đầu tư xây dựng mở rộng, nâng cấp trường Trung học phổ thông tại các khu vực dự kiến phát triển như: đô thị Mỹ Lâm, xã Nam Thái Sơn. Nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất các trường hiện hữu theo hướng đạt chuẩn Quốc gia, đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Trung học cơ sở: tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị, đào tạo. Đầu tư nâng cấp, mở rộng trường Trung học cơ sở tại các khu vực dự kiến phát triển như: đô thị Mỹ Lâm, Thổ Sơn, xã Nam Thái Sơn.

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện hiện có vị trí tại thị trấn Hòn Đất. Trong tương lai, cần nâng cấp thành Trường Trung cấp nghề trong giai đoạn sau 2030 nhằm thực hiện chương trình phổ cập nghề nghiệp cho người lao động, đào tạo công nhân phục vụ cho cụm công nghiệp dự kiến của huyện, các khu du lịch trên địa bàn huyện Hòn Đất.

*đ) Hệ thống công trình thể dục thể thao - văn hoá*

Hệ thống văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao vùng: Thành lập Trung tâm Văn hoá thể thao và học tập cộng đồng xã phục vụ nhu cầu tổ chức học tập, vui chơi giải trí và luyện tập thể dục thể thao của nhân dân; xây dựng thêm các Trung tâm văn hóa thể thao xã tại các xã Mỹ Hiệp Sơn, Sơn Bình, Bình Sơn, Bình Giang; giai đoạn 2026 - 2030, hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến cơ sở với mục tiêu xây dựng Hòn Đất trở thành huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng các sân vận động ở các xã.

## **6. Tổ chức không gian đô thị và các điểm dân cư nông thôn**

### **6.1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị**

*a) Đô thị Hòn Đất*

- Tính chất: Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của huyện Hòn Đất; là đô thị dịch vụ nông sản có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Định hướng đến năm 2030 là đô thị loại IV.

- Quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 16.000 người; đến năm 2040 khoảng 20.000 người.

- Định hướng không gian phát triển đô thị: Không gian phát triển dựa trên một số trục đường chính: trục giao thông Quốc lộ 80, Quốc lộ 80C, ĐT.969, tuyến D1 song song phía Nam Quốc lộ 80,...là trục xương sống của đô thị, hình thành ra các phân khu chức năng chính để phát triển đô thị. Trung tâm hành chính đã được xây dựng ổn định ở vị trí trung tâm thị trấn.

#### *b) Đô thị Sóc Sơn*

- Tính chất: Thị trấn Sóc Sơn là trung tâm kinh tế phía Tây Nam của huyện, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hòn Đất. Định hướng đến năm 2030 là đô thị loại IV.

- Quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 20.000 người; đến năm 2040 khoảng 23.000 người.

- Định hướng không gian phát triển đô thị: Phát triển dọc theo Quốc lộ 80 kết nối với cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá, thành phố Rạch Giá và thị trấn Hòn Đất, đô thị Kiên Lương, thành phố Hà Tiên; phát triển đô thị gắn với không gian cảnh quan dọc kênh Rạch Giá - Hà Tiên.

#### *c) Đô thị Mỹ Lâm*

- Tính chất: Là trung tâm kinh tế phía Nam của huyện, đô thị thương mại dịch vụ; là khu vực tiếp giáp thành phố Rạch Giá, có tốc độ đô thị hóa cao, có điều kiện thuận lợi phát triển thương mại dịch vụ và nông nghiệp. Định hướng sau năm 2030 là đô thị loại V.

- Quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 22.000 người; đến năm 2040 khoảng 23.000 người.

- Định hướng không gian phát triển đô thị: Đô thị phát triển dọc theo Quốc lộ 80, kết nối với thành phố Rạch Giá và thị trấn Sóc Sơn, thị trấn Hòn Đất; phát triển đô thị gắn với không gian cảnh quan kênh Rạch Giá - Hà Tiên; quy hoạch lấn biển để xây dựng Khu đô thị sinh thái Lấn Biển Mỹ Lâm với quy mô đất đô thị là 300 ha.

#### *d) Đô thị Thỏ Sơn*

- Tính chất: Là trung tâm kinh tế phía Tây Nam của huyện Hòn Đất; là đô thị dịch vụ, du lịch của huyện Hòn Đất gắn với phát triển cụm du lịch Hòn Đất - Hòn Me - Hòn Quéo; là đô thị văn hóa, lịch sử của tỉnh Kiên Giang. Định hướng sau năm 2030 là đô thị loại V.

- Quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 18.000 người; đến năm 2040 khoảng 20.000 người.

- Định hướng không gian phát triển đô thị: Đô thị phát triển dọc theo đường Quốc lộ 80C, ĐT.969, ĐT.969B, đường hành lang ven biển Hòn Đất - Kiên Lương kết nối với thành phố Rạch Giá và thị trấn Hòn Đất, đô thị Kiên Lương, thành phố Hà Tiên; phát triển đô thị gắn với Khu di tích lịch sử Ba Hòn, không gian cảnh quan ven biển và kênh 11; quy hoạch lấn biển để xây dựng Khu đô thị sinh thái lấn biển Mỹ Lâm với quy mô diện tích khoảng 300 - 400 ha.

## **6.2. Định hướng tổ chức hệ thống các điểm dân cư nông thôn**

- Định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã đã được phê duyệt: Tận dụng các điểm dân cư hiện hữu; khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất canh tác; cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững.

- Dân cư vùng nông thôn sẽ dịch chuyển dần về các khu vực phát triển đô thị mới có dự báo xu hướng phát triển đô thị và tốc độ đô thị hoá cao. Vì vậy dự báo quy mô dân số nông thôn toàn vùng như sau:

+ Đến năm 2030: 86.000 người.

+ Đến năm 2040: 81.000 người.

## **7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **7.1. Giao thông**

Định hướng phát triển hệ thống giao thông huyện Hòn Đất tuân thủ Quy hoạch tổng thể giao thông vận tải của vùng đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch tỉnh Kiên Giang.

#### **a) Đường cao tốc**

Tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (phía Bắc và song song với Quốc lộ 80).

#### **b) Quốc lộ**

Gồm 03 tuyến: Quốc lộ 80; Quốc lộ N2 (nâng cấp tuyến đường dọc bờ tây kênh Tám Ngàn, song song với ĐT.970); Quốc lộ 80C là tuyến Quốc lộ được hình thành theo hướng tuyến của ĐT.969, kết nối huyện Hòn Đất với tỉnh An Giang.

#### **c) Đường tỉnh (ĐT)**

Gồm 06 tuyến: ĐT.963 (Giồng Riềng - Tân Hiệp - Giang Thành); ĐT.969 (nâng cấp 03 tuyến ĐH: Nam Thái Sơn - Hòn Sóc - Linh Huỳnh); ĐT.969B (nâng cấp 05

tuyến ĐH: Mỹ Thái - Sơn Bình - Gàn Gừa - Thổ Sơn - Linh Huỳnh); ĐT.969C (Đường tỉnh dự kiến 05); ĐT.970 (nâng cấp đường kênh Tám Ngàn và ĐT. Kênh 10); ĐT.972E (Đường tỉnh dự kiến 08).

*d) Đường huyện*

- Nâng cấp các tuyến đường huyện hiện hữu đạt cấp V đến cấp IV đồng bằng.

- Gồm 09 tuyến ĐH: ĐH. Kiên Hảo (ĐH.19): ĐH. Sơn Bình, ĐH.HĐ.DK.02 (ĐH. Kênh Ranh), đường Kênh 9 - Vạn Thanh, đường 286 và đường 286 (nối dài), đường quanh núi Hòn Sóc, đường quanh núi Hòn Me, đường quanh núi Hòn Đất, đường D2.

*đ) Đường đô thị*

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông đô thị và bố trí lắp đặt hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh theo đúng lộ giới quy hoạch đã được phê duyệt.

*e) Đường giao thông nông thôn*

- Đối với các đường liên xã từ nay đến năm 2030 tối thiểu đạt cấp VI - đồng bằng.

- Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 cần đầu tư xây dựng đường từ xã xuống các ấp, đường liên ấp, liên khóm với tiêu chuẩn đường loại A (mặt đường 3,5m, nền đường 5,0m) hoặc loại B (mặt đường 3,0m, nền đường 4,0m).

*h) Giao thông thủy*

Kênh Rạch Giá - Hà Tiên và kênh Tám Ngàn thuộc (tuyến trục số 1): Là hệ thống các kênh thuộc hành lang quốc gia (qua kênh Tháp Mười số 2), dài 35,1km. Quy hoạch đạt cấp III - đường thủy nội địa. Cải tạo các cua cong, bố trí báo hiệu xác lập chỉ giới bờ trên chiều dài toàn tuyến thuộc địa phận Kiên Giang.

*g) Bến cảng, bến thủy nội địa*

- Cảng thủy nội địa Linh Huỳnh: Xây dựng với tính chất cảng tổng hợp phục vụ vận tải hàng hóa, hành khách và nghề cá. Ngoài ra cảng còn có chức năng là khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, dịch vụ hậu cần nghề cá, bến bãi để trung chuyển vật liệu, hàng hóa ra các xã, huyện đảo của tỉnh...

- Tại đô thị Thổ Sơn có 01 bến thủy nội địa kết nối Hòn Đất với Kiên Hải. Tuyến vận tải thủy từ Hòn Me (huyện Hòn Đất) đi huyện Kiên Hải và ngược lại. Tuyến phục vụ đi lại và trao đổi hàng hóa của người dân huyện Kiên Hải với đất liền.

- Tại thị trấn Hòn Đất có 01 bến thủy nội địa vận chuyển hàng hóa phục vụ nhân dân.

- Xây dựng 01 bến thủy nội địa tại đô thị Sóc Sơn.

## **7.2. Chuẩn bị kỹ thuật**

### **a) Giải pháp quy hoạch cao độ nền**

Cao độ không chế nền xây dựng đô thị và nông thôn được tính toán trên cơ sở căn cứ vào cấp đô thị, dựa trên các số liệu quan trắc về thủy văn, hải văn như: Tần suất (tổng hợp các yếu tố mực nước dâng do nước lũ sông, bão kết hợp với triều cường đo tại các trạm quan trắc) và ảnh hưởng nước biển dâng do biến đổi khí hậu để xác định cao độ không chế nền xây dựng phù hợp (trong giai đoạn lập Quy hoạch chung).

### **b) Giải pháp quy hoạch thoát nước mặt**

- Đối với khu trung tâm hiện hữu của thị trấn Hòn Đất, thị trấn Sóc Sơn: đang sử dụng hệ thống cống chung, các hố ga tách dòng để thu gom nước thải về khu xử lý nước thải trước khi đổ vào sông, kênh rạch

- Đối với khu vực xây dựng mới, khu dân cư tập trung, Cụm Công nghiệp, khu du lịch: xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước thải bằng cống tròn, mương nắp đan, xả trực tiếp ra sông, kênh, rạch.

- Các khu dân cư mới tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương có các giải pháp khác nhau để xác định hệ thống thoát nước riêng, nửa riêng hay chung nhưng cũng phải có các biện pháp thu gom nước thải để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Đối với các điểm dân cư nhỏ lẻ xây dựng với mật độ thấp có thể xây dựng hệ thống thoát nước chung giữa nước thải và nước mưa nhưng nước thải phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại hoặc hồ sinh vật. Các tuyến thoát nước bằng cống tròn, cống hộp hoặc mương nắp đan.

### **c) Định hướng hệ thống thủy lợi**

- Giải pháp kiểm soát lũ: đề xuất từng bước đầu tư xây dựng để hoàn thiện các cụm công trình kiểm soát lũ như: cụm các kênh nối sông Hậu với kênh Rạch Giá - Hà Tiên, cùng với cụm công trình ven biển Tây,... phù hợp với diễn biến lũ mới và tình hình chuyển đổi sản xuất, đặc biệt là khu vực ven biển.

- Giải pháp thủy lợi phục vụ chuyển đổi sản xuất: Tăng cường khả năng kiểm soát lũ để bảo vệ lúa Hè Thu, chủ động lấy phù sa và rửa phèn, rút ngắn thời gian ngập lũ cuối vụ, giảm tối đa xâm nhập mặn để chủ động sản xuất 2 vụ Đông Xuân và Hè Thu an toàn. Đối với vùng ven biển, bổ sung các công trình lấy nước mặn và tăng cường thủy lợi nội đồng để phục vụ nuôi tôm hoặc tôm - lúa, tạo môi trường thông thoáng và độc lập với vùng sản xuất nông nghiệp.



### 7.3. Cấp nước

a) *Nguồn nước*: Nguồn nước khai thác phục vụ cho nhu cầu phát triển đô thị, công nghiệp sẽ là ưu tiên khai thác nguồn nước mặt, hạn chế và tiến tới ngưng khai thác nguồn nước ngầm.

b) *Tổng nhu cầu dùng nước*

- Giai đoạn đến 2030: 25.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Giai đoạn đến 2040: 26.100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

c) *Giải pháp quy hoạch cấp nước*

- Cấp nước đô thị:

+ Giai đoạn đến 2030: Sử dụng nguồn nước mặt cho các trạm cấp nước cục bộ theo từng đơn vị hành chính. Đồng thời nâng cấp công suất trạm cấp nước lấy nguồn từ kênh Rạch Giá - Kiên Lương.

+ Giai đoạn đến 2040: Phát triển mạng lưới đường ống cấp nước để liên kết với hệ thống cấp nước của vùng tỉnh.

- Cấp nước nông thôn:

+ Đối với khu vực dân cư tập trung (các trung tâm xã): Tiếp tục sử dụng các công trình cấp nước của Trung tâm nước sạch & vệ sinh môi trường nông thôn Kiên Giang, bố trí 3 hồ chứa nước ngọt 20 ha/hồ (tổng công suất 1 triệu m<sup>3</sup>). Khu vực gần đô thị có thể đấu nối trực tiếp với các tuyến ống cấp nước của đô thị.

+ Đối với các khu vực dân cư phân tán: ưu tiên khai thác các nguồn nước mặt, khu vực có nguồn nước ngầm dồi dào, trữ lượng tốt dùng nguồn nước ngầm khoan sâu kết hợp với bơm để sử dụng.

### 7.4. Cấp điện

a) *Dự báo nhu cầu*: Tổng công suất dự kiến phụ tải điện toàn huyện: Giai đoạn đến năm 2030 khoảng 45,13 MW; giai đoạn đến năm 2040 khoảng 46,19 MW.

b) *Nguồn điện và lưới điện*:

- Nguồn điện: được lấy từ trạm biến áp 110kV Hòn Đất, có công suất 40MVA. Dự kiến giai đoạn 2026 - 2030, nâng công suất trạm biến áp 110kV Hòn Đất lên 80MVA. Giai đoạn 2031- 2050, nâng công suất trạm biến áp 110kV Hòn Đất lên 126MVA.

- Lưới điện:

+ Lưới điện truyền tải 220kV: Hiện nay trên địa bàn khu quy hoạch có tuyến điện cao thế 220kV đi từ trạm biến áp 220kV Kiên Bình đến trạm biến áp 220kV Rạch Giá 2; Dự kiến giai đoạn 2031-2035 khu quy hoạch sẽ có tuyến điện cao thế

220kv đi từ trạm 500kv An Giang 1x900 MVA đi ngang qua 2 xã Mỹ Thuận và Mỹ Hiệp Sơn khu quy hoạch.

+ Lưới điện phân phối 110kV: Hiện nay trên địa bàn khu quy hoạch có tuyến điện cao thế 110kV từ trạm 220kV Kiên Bình đến trạm biến áp 110kV Hòn Đất.

### **7.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang**

#### **7.5.1. Thoát nước thải**

##### *a) Nước thải sinh hoạt*

- Đối với khu vực đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước thải tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa, thu gom về các trạm xử lý xây dựng mới. Toàn bộ nước thải từ các khu vệ sinh trong các công trình công cộng và khu dân cư phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó tập trung đưa về các trạm làm sạch nước thải để xử lý.

- Khu vực cụm dân cư nông thôn: hệ thống thu gom chung giữa nước mưa và nước thải (*Trong đó, nước thải được xử lý bằng các hồ sinh học tự nhiên*).

- Công trình đầu mối thoát nước thải:

+ Để phù hợp với việc phát triển đô thị trong các giai đoạn, các trạm xử lý nước thải sẽ được đầu tư theo từng mô đun phù hợp với kinh tế công suất các trạm nước thải cho khu vực đô thị dự kiến.

+ Xây dựng mới 4 trạm xử lý nước thải sinh hoạt là trạm thị trấn Hòn Đất (*công suất: 3.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm*), thị trấn Sóc Sơn (*công suất: 3.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm*), đô thị Mỹ Lâm (*công suất: 2.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm*), đô thị Thổ Sơn (*công suất: 3.300 m<sup>3</sup>/ngày đêm*).

##### *b) Nước thải công nghiệp, bệnh viện*

- Nước thải từ các nhà máy trong cụm công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước tập trung của khu công nghiệp, được xử lý theo quy định hiện hành trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ các Trung tâm y tế phải xử lý cục bộ bằng trạm làm sạch riêng và khử trùng trước khi xả ra hệ thống thoát nước đô thị.

##### *c) Nước thải các điểm dân cư nông thôn*

Xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải xử lý cục bộ qua bể tự hoại sau đó theo hệ thống cống chung xả ra các sông, hồ và tiếp tục làm sạch tự nhiên.

### **7.5.2. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang**

#### **a) Quản lý chất thải rắn**

- Tổng lượng phát thải CTR giai đoạn 2030 là 156,80 tấn/ngày, giai đoạn 2040 là 162,80 tấn/ngày.

- Rác thải được thu gom chủ yếu ở khu vực nội ô 2 thị trấn, và khu vực dự kiến phát triển đô thị như: Mỹ Lâm, Thổ Sơn và trên các trục giao thông chính.

- Quy hoạch mới khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cấp tỉnh tại xã Mỹ Phước quy mô 50 ha; Quy hoạch khu xử lý rác thải Plasma tại xã Mỹ Phước quy mô 7,84 ha, công suất: 100 tấn/ngày.đêm.

- Thu gom chất thải từ nguồn, vận chuyển đến các khu rác tập trung xử lý theo quy định.

#### **b) Nghĩa trang**

Đề xuất quy hoạch mới 4 cụm nghĩa trang nhân dân trên địa bàn huyện để phục vụ các xã: Cụm Nghĩa trang nhân dân số 1: xã Bình Giang, xã Bình Sơn; Cụm Nghĩa trang nhân dân số 2: xã Nam Thái Sơn, xã Mỹ Thái, xã Sơn Kiên; Cụm Nghĩa trang nhân dân số 3: xã Linh Huỳnh, đô thị Thổ Sơn, Sơn Bình và thị trấn Hòn Đất; Cụm Nghĩa trang nhân dân số 4: xã Mỹ Hiệp Sơn, xã Mỹ Thuận, xã Mỹ Phước, đô thị Mỹ Lâm và thị trấn Sóc Sơn.

### **7.6. Thông tin liên lạc**

Tổng nhu cầu thuê bao di động và thuê bao internet đến năm 2040 lần lượt là 167.000 thuê bao và 56.413 thuê bao.

- Duy trì hiện trạng các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ, đồng thời nâng cấp các thiết bị viễn thông tại các điểm giao dịch hiện có.

- Phát triển điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ tới cấp xã; kết nối Internet băng rộng tới các điểm giao dịch, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng dịch vụ, đồng thời đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Quy hoạch xây dựng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông không có người phục vụ (dịch vụ Wifi miễn phí,...) cho người dân và du khách.

### **8. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và phát triển trên địa bàn vùng huyện**

- Có giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di tích lịch sử văn hóa. Xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt và tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí và các hệ sinh thái.

- Giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường; giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp vào các quá trình sản xuất.

- Xác định quy chế bảo vệ môi trường và có biện pháp quản lý ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và nông thôn; vùng sinh thái nông nghiệp.

### **9. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

- Tập trung huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ với kết cấu hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, cấp tỉnh, đẩy nhanh quá trình hình thành các đô thị trên địa bàn vùng huyện.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn cho phù hợp với quy hoạch vùng đã được phê duyệt.

- Lập đề án công nhận các đô thị theo từng giai đoạn phù hợp với thực tế phát triển và định hướng quy hoạch vùng huyện.

- Đầu tư xây dựng và phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn trên địa bàn huyện theo tiêu chí nông thôn mới.

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn từ ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

**Điều 2.** Giao UBND huyện Hòn Đất phối hợp với Sở Xây dựng, Đơn vị tư vấn (*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (Nagecco)*) và các Sở, ban ngành có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 và tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của tài liệu, cơ sở dữ liệu (*số liệu, bản đồ*) của các ngành, lĩnh vực để nghiên cứu, lập đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất; sự thống nhất của toàn bộ đồ án quy hoạch tại thuyết minh và hệ thống bản đồ; phù hợp với Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch cấp trên khác có liên quan.

- Căn cứ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất được duyệt rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành lĩnh vực có liên quan và thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Rà soát điều chỉnh hoặc lập mới các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng trên địa bàn huyện theo định hướng của Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòn Đất được duyệt.

- Lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng làm cơ sở xác định danh mục, trình tự triển khai lập các quy hoạch xây dựng từng cấp độ; danh mục và thứ tự đầu tư các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; dự kiến nhu cầu vốn cho công tác thực hiện quy hoạch xây dựng hàng năm;...theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Du lịch, Văn hóa và Thể thao, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Giang Thanh Khoa**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3085/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 25 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số nội dung có liên quan đến thủ tục đất đai  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 773/TTr-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số nội dung có liên quan đến thủ tục đất đai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

1. Quy định cơ quan tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 101/2024/NĐ-CP) và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 102/2024/NĐ-CP).

2. Quy định thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

3. Quy định thời gian thực hiện các bước công việc cụ thể thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

4. Quy định thời hạn thực hiện thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.

2. Các cơ quan có liên quan đến việc thực hiện thủ tục về đất đai.

3. Người sử dụng đất.

4. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

**Điều 3. Quy định cơ quan tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP**

1. Đối với thủ tục đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: cơ quan tiếp nhận, trả kết quả giải quyết là Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang (quầy Sở Tài nguyên và Môi trường).

2. Đối với thủ tục đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện: cơ quan tiếp nhận, trả kết quả giải quyết là Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện.

3. Đối với thủ tục đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: cơ quan tiếp nhận, trả kết quả giải quyết là Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã.

**Điều 4. Quy định thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP**

Thời gian thực hiện đồng thời thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất và thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất không quá 20 ngày.

**Điều 5. Quy định thời gian thực hiện các bước công việc cụ thể thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP**

Thời gian thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP là không quá 10 ngày.

**Điều 6. Quy định thời hạn thực hiện thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP**

Thời hạn thực hiện thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất không quá 07 ngày.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức triển khai và phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Sở, ban, ngành có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thanh Nhàn**



---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH KIÊN GIANG XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 06 Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;

Điện thoại: 02973.862.135;

Fax: 0297.3862687;

Email: [congbao@kiengiang.gov.vn](mailto:congbao@kiengiang.gov.vn);

Website: <http://congbao.kiengiang.gov.vn>;